

CHESS 50WG

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 05.11.2013



MỤC 1. XÁC ĐỊNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY SẢN XUẤT

1.1. Tên sản phẩm

- Tên sản phẩm : CHESS 50WG
- Mã thiết kế : A9364J

1.2. Sử dụng có liên quan xác định các chất hoặc hỗn hợp và sử dụng nên chống lại

Công dụng : Thuốc trừ sâu

1.3. Thông tin chi tiết của nhà cung cấp về bảng dữ liệu an toàn

Công ty : Công ty Syngenta Thụy Sĩ

Postfach, CH-4002 Basel, Thụy Sĩ

Điện thoại : +41 61 323 11 11

Telefax : +41 61 323 12 12

Địa chỉ E-mail : sds.ch @ syngenta.com

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Điện thoại khẩn cấp số: +44 1484 538444

MỤC 2. XÁC ĐỊNH MÓI NGUY

2.1. Phân loại các chất hoặc hỗn hợp

- Phân loại theo Quy chế (EU) 1272/2008
- Gây ung thư loại 2 H351

Đối với các văn bản đầy đủ của loại "H" nêu tại mục này, xem Mục 16.

- Phân loại theo Chỉ thị EU 67/548/EEC hoặc 1999/45/EC

Xn, có hại

N, nguy hiểm cho môi trường

R40 bằng chứng hạn chế về hậu quả gây ung thư

2.2. Yêu tố qui định về nhãn

- Ghi nhãn: Quy định (EC) số 1272/2008

Biểu tượng cảnh báo



THÔNG TIN AN TOÀN SẢN PHẨM

CHESS 50WG

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 05.11.2013



Tín hiệu từ : Cảnh báo

Cảnh báo mối nguy hiểm : H351

Nghi ngờ gây ung thư.

Cảnh báo đề phòng : P102

Tránh xa khỏi tầm với của trẻ em.

P270

Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.

P308+P313

Nếu có sự tiếp xúc hoặc có liên quan: cần tư vấn y tế/lưu ý.

P501

các thùng chứa chất thải được đưa tới nhà máy có chức năng xử lý chất thải.

Bổ sung thông tin : EUH401

Để tránh rủi ro cho sức khỏe con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn sử dụng.

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn:

Ghi nhãn: Chỉ thị EU 67/548/EEC hoặc 1999/45/EC

Biểu tượng:



Có hại

Cụm từ R

R40

bằng chứng hạn chế về hậu quả gây ung thư.

Cụm từ -S

S 2

Để xa tầm tay trẻ em.

S13

Tránh xa thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho động vật.

S20/21

Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khi sử dụng.

S36/37

Mặc quần áo bảo hộ và đeo găng tay.

Thêm vào nhãn :

Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn khi sử dụng.

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn: • pymetrozine

2.3. Các mối nguy hiểm khác: có thể tạo thành hỗn hợp bụi dễ cháy

CHESS 50WG

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 05.11.2013

**MỤC 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CẤU TẠO**

Hỗn hợp

Thành phần nguy hại:

Tên hóa học EC-No. Số đăng ký	CAS-No. EC-No.	Phân loại (67/548/EEC)	Phân loại (Quy chế (EC) số 1272/2008)	Độ đậm đặc
pymetrozine	123312-89-0	Xn , R40 R50/53	Carc.2; H351 Thủy sản Chronic1; H410	50% W/W

Giới hạn phơi nhiễm hóa chất ở nơi làm việc

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - R nêu tại mục này, xem Mục 16.

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - H nêu tại mục này, xem Mục 16.

MỤC 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU**4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu**

- Lời khuyên chung : Đem theo bao bì chứa sản phẩm, nhãn hoặc tờ thông tin an toàn sản phẩm khi bạn gọi đến số điện thoại khẩn cấp của Syngenta, trung tâm kiểm soát ngộ độc hoặc đến chữa trị.
- Hít phải : Mang người bị nạn đặt ở nơi thoáng khí. Nếu khó thở hoặc ngưng thở thì phải tiến hành hô hấp nhân tạo. Giữ ấm cho nạn nhân và nghỉ ngơi. Lập tức gọi bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát ngộ độc
- Tiếp xúc với da : Cởi bỏ áo quần bị dính thuốc ngay lập tức. Rửa chỗ bị dính thuốc bằng nhiều nước sạch. Nếu da bị sưng tấy, rát, gọi cho bác sĩ. Giặt áo quần bị dính thuốc thật sạch trước khi dùng lại.
- Tiếp xúc với mắt : Lập tức rửa mắt bị dính thuốc bằng thật nhiều nước sạch, ngay cả bên dưới mí mắt ít nhất trong 15 phút. Loại bỏ kính sát tròng. Chữa trị y khoa ngay khi có yêu cầu
- Nuốt phải : Nếu nuốt phải, lập tức tìm hướng dẫn chữa trị y khoa ngay trên nhãn chai. Không được nôn mửa.

4.2. Triệu chứng quan trọng nhất và hiệu ứng, gồm cấp tính và lâu dài

- Triệu chứng : không có

4.3. Chỉ định y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

- Tư vấn y tế : không có cách chữa trị cụ thể
Điều trị theo triệu chứng.

CHESS 50WG

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 05.11.2013



MỤC 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1 Phương tiện chữa cháy

- Đối với đám cháy nhỏ: Sử dụng bình phun nước, bọt chống cồn, hóa chất khô hoặc khí CO₂.
 - Đối với đám cháy lớn: Sử dụng xôp chống cồn hoặc Phun nước
- Không dùng vòi nước xịt trực tiếp vào đám cháy để tránh làm phát tán và gây cháy lan.

5.2 Đặc biệt nguy hiểm phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp

Do thuốc bao gồm thành phần hữu cơ dễ cháy, đám cháy sinh ra khói đen chứa hơi độc (xem mục 10).

Tiếp xúc với các sản phẩm bị phân hủy này có thể nguy hại đến sức khỏe

5.3 Tư vấn cho nhân viên cứu hỏa

Mang đầy đủ quần áo bảo hộ kín và dụng cụ thở.

Không được chạy ra từ đám cháy và nhảy xuống mương hoặc dòng nước.

Làm mát các thùng chứa đầy kín tiếp xúc với đám cháy bằng nước phun sương.

MỤC 6. BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và thủ tục khẩn cấp

Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

6.2. Ngăn ngừa về môi trường

Không đổ thuốc vào hệ thống nước mặt hoặc cống rãnh

6.3. Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Ngăn chặn sự đổ thuốc và thu gom bằng vật liệu thấm hút không cháy (cát, đất, đất sét, đất khoáng) và cho vào thùng chứa để hủy theo quy định (xem mục 13).

Nếu thuốc bị chảy ra sông, hồ hoặc mương nước phải thông báo với chính quyền sở tại.

6.4. Tham khảo cho các phần khác

Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

Hãy tham khảo việc xem xét xử lý được liệt kê trong mục 13.

MỤC 7. XỬ LÝ VÀ LUU TRU'

7.1 Phòng ngừa để xử lý an toàn

Có khả năng hình thành đám mây bụi dễ cháy trong không khí, nếu có tia lửa điện có thể tạo ra vụ nổ. Lửa, sức nóng, tia lửa cơ khí và tia điện có thể gây ra cháy nổ cho nguyên liệu này. Các thiết bị điện phải tương thích với các đặc tính dễ cháy của nguyên liệu này. Các đặc tính dễ cháy sẽ trở nên nguy hiểm hơn nếu nguyên liệu được chứa chung với dung môi dễ cháy hoặc được xử lý khi có dung môi dễ cháy.

Tránh tiếp xúc với da và mắt.

CHESS 50WG

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 05.11.2013



Khi sử dụng không ăn, uống hoặc hút thuốc.

Để bảo vệ cá nhân, xem mục 8.

7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm các điều kiện không tương thích

Không có điều kiện bảo quản đặc biệt.

Giữ các thùng chứa đậy kín ở một nơi khô ráo, mát, thông thoáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Giữ xa nguồn thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho gia súc.

Tính chất vật lý và hóa học ổn định cho ít nhất 2 năm khi được lưu trữ trong tình trạng đóng gói nguyên vẹn ở nhiệt độ môi trường.

7.3. Kết thúc sử dụng

Đăng ký sản phẩm bảo vệ cây trồng: Để sử dụng hợp lý và an toàn sản phẩm, xin vui lòng tham khảo các điều kiện phê duyệt trên nhãn hiệu sản phẩm.

MỤC 8. KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

8.1 Kiểm soát các thông số

Thành phần	Giới hạn phơi nhiễm	Loại giới hạn phơi nhiễm	Nguồn
pymetrozine	0,8 mg/m ³	8 h TWA	Syngenta

Các khuyến nghị sau đây để kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân dành cho sản xuất, phôi trộn và đóng gói của sản phẩm.

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm

Biện pháp kỹ thuật : Việc ngăn chặn và/hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ được sự phơi nhiễm. Việc kéo dài những biện pháp bảo vệ này phụ thuộc vào mối nguy thực sự trong quá trình sử dụng. Nếu sương hoặc hơi thuốc bay ra, dùng biện pháp kiểm soát thông hơi cục bộ LEV.

Đánh giá sự phơi nhiễm và sử dụng bất cứ biện pháp phụ trợ nào để giữ mức hơi sương dưới mức phơi nhiễm tương ứng. Khi cần thiết, tìm thêm thông tin về bảo vệ vệ sinh nghề nghiệp

Biện pháp bảo vệ : Việc dùng các biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn so với việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Khi lựa chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân, nên tìm lời khuyên chuyên nghiệp phù hợp. Phương tiện bảo vệ cá nhân nên được xác nhận theo tiêu chuẩn phù hợp

Bảo vệ cơ quan hô hấp : Một sự kết hợp của các mặt nạ phòng độc sử dụng cho khí, hơi và hạt hóa chất có thể là cần thiết cho đến khi các biện pháp kỹ thuật hiệu quả được thực hiện.

CHESS 50WG

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 05.11.2013



Mặt nạ bảo hộ làm sạch không khí bị hạn chế.

Sử dụng máy hô hấp khép kín trong các trường hợp sự cố tràn khẩn cấp, khi mức độ phơi nhiễm là không rõ, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào mà mặt nạ lọc khí không có thể cung cấp sự bảo vệ đầy đủ.

Bảo vệ tay	: Không yêu cầu sử dụng găng tay chống hoá chất. Chọn găng tay dựa vào yêu cầu công việc cơ học
Bảo vệ mắt	: Không yêu cầu bảo hộ mắt.
Bảo vệ da và cơ thể	: Tuân thủ theo qui định về bảo vệ mắt ở khu vực làm việc

Bảo vệ da và cơ thể	: Không yêu cầu thiết bị bảo vệ đặc biệt. Chọn đồ bảo vệ dựa vào tính chất cơ học của công việc
---------------------	---

MỤC 9. TÍNH CHẤT HÓA LÝ**9.1. Thông tin về đặc tính vật lý và hóa học cơ bản**

Tình trạng vật lý	: chất rắn
Dạng	: hạt
Màu sắc	: màu xám be đến nâu
Mùi	: yếu
pH	: 7-11 tại 1% w/v
Điểm nóng chảy/khoảng	: Không có thông tin có sẵn.
Điểm sôi/sôi khoảng	: Không có thông tin có sẵn.
Điểm cháy	: Không có thông tin có sẵn.
Tỷ lệ bay hơi	: Không có thông tin có sẵn.
Tính dễ cháy (rắn/khí)	: Không có thông tin có sẵn.
Thấp hơn giới hạn nổ	: Không có thông tin có sẵn.
Cao hơn giới hạn nổ	: Không có thông tin có sẵn.
Áp suất hơi	: Không có thông tin có sẵn.
Mật độ hơi tương đối	: Không có thông tin có sẵn.
Tỷ trọng	: Không có thông tin có sẵn.
Độ tan trong các dung môi khác	: Không có thông tin có sẵn.
Hệ phân số	: Không có thông tin có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	: Không có thông tin có sẵn.
Tự phân hủy	: Không có thông tin có sẵn.
Độ nhớt, năng động	: Không có thông tin có sẵn.
Độ nhớt, động học	: Không có thông tin có sẵn.
Tính nổ	: Không nổ

CHESS 50WG

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 05.11.2013



Tính oxy hóa : không oxy hóa

9.2. Các thông tin khác

Nhiệt độ gây cháy tối thiểu : 550°C

Lớp bụi nổ : hình thanh đám mây bụi dễ cháy

Khối lượng thể tích : 0,4-0,6g/m³**MỤC 10. TÍNH ÔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG****10.1. Tính phản ứng**

Không có thông tin có sẵn.

10.2. Tính ổn định hóa chất

Không có thông tin có sẵn.

10.3. Phản ứng nguy hại

Chưa biết

Phản ứng trùng hợp không xảy ra.

10.4. Điều kiện để tránh

Không có thông tin có sẵn.

10.5. Vật liệu không tương thích

Không có thông tin có sẵn.

10.6. Sản phẩm phân hủy độc hại

Đốt cháy hoặc phân hủy bằng nhiệt sẽ tạo ra khí độc và dị ứng.

PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI**11.1. Thông tin về tác dụng độc tính**

Độc cấp tính qua đường miệng : LD50 chuột đực và cái là > 5.000 mg/kg

Các dữ liệu về độc tính đã được thực hiện từ các sản phẩm có thành phần tương tự.

Độc cấp tính qua đường hô hấp : LD50 chuột đực và cái là > 3,09 mg/l, 4h

Các dữ liệu về độc tính đã được thực hiện từ các sản phẩm có thành phần tương tự.

Nhiễm độc cấp tính qua da : LD50 chuột đực và cái là > 2.000 mg/kg

Các dữ liệu về độc tính đã được thực hiện từ các sản phẩm có thành phần tương tự.

Ăn mòn da/dị ứng : thô: không gây kích ứng

Dị ứng mắt : Thô: không gây kích ứng

THÔNG TIN AN TOÀN SẢN PHẨM

CHESS 50WG

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 05.11.2013



Hô hấp hoặc da nhạy cảm

Các dữ liệu về độc tính đã được thực hiện từ các sản phẩm có thành phần tương tự.

: Chuột lang: Không kích ứng da trong các thử nghiệm trên động vật.

Các dữ liệu về độc tính đã được thực hiện từ các sản phẩm có thành phần tương tự.

Tế bào mầm đột biến/ pymetrozine

: không hiển thị các hiệu ứng gây đột biến trong các thí nghiệm động vật.

Gây ung thư/ pymetrozine

: Mức độ gia tăng của các khối u gan được quan sát thấy ở liều lượng cao trong chuột. Sự liên quan của những kết quả này đối với con người là vẫn đề.

Độc tính sinh sản/ pymetrozine

: không hiển thị các hiệu ứng gây độc tái sinh trong các thí nghiệm động vật.

MỤC 12. THÔNG TIN SINH THÁI

12.1. Độc tính

Độc tính đối với cá

: LC50 Oncorhynchus mykiss (cá hồi), 100 mg/l trong 96h.

Dựa trên kết quả thử nghiệm thu được với các sản phẩm tương tự.

Độc tính đối với động vật thuỷ sinh

: EC50 Daphnia magna (bọ nước), >100 mg / l, 48 h

Dựa trên kết quả thử nghiệm thu được với các sản phẩm tương tự.

Độc tính đối với cây thủy sinh

: Er50 Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục) >100 mg/l, 72h.

Dựa trên kết quả thử nghiệm thu được với các sản phẩm tương tự.

12.2. Sự tồn tại và phân hủy

Tính bị phân hủy của pymetrozine

: không dễ phân hủy sinh học

Tính ổn định trong nước của pymetrozine:

Nửa chu kỳ phân hủy là: 4,8 – 6,3 ngày

Không bền trong nước.

Tính ổn định trong đất của pymetrozine :

Nửa chu kỳ phân hủy là: 7,9 - 30 ngày

Không bền trong đất.

12.3. Sự tích tụ sinh học

pymetrozine

: Có tiềm năng tích lũy thấp.

12.4. Tính di động trong đất

pymetrozine

: Thiamethoxam có tính di động nhỏ trong đất.

CHESS 50WG

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 05.11.2013



12.5. Kết quả đánh giá PBT và vPvB

- pymetrozine : Chất này không được xem là bền, cũng không tích tụ chất độc hại (PBT).
- Chất này không được coi là bền cũng không tích tụ độc hại (vPvB).

12.6. Các tác dụng phụ

Chưa biết

MỤC 13. PHÂN HỦY

13.1. Phương pháp xử lý chất thải

- Sản phẩm : Không gây ô nhiễm ao hồ, sông ngòi, mương với hóa chất hoặc vật chứa đã sử dụng.
- Không bỏ chất thải vào cống rãnh.
- Ưu tiên tái chế nếu có thể hơn là đem hủy hoặc đốt.
- Nếu không thể tái chế thì xử lý theo quy định của địa phương.
- Bao bì bị ô nhiễm : Làm sạch thuốc còn lại trong bao bì. Rửa ba lần đối với vật chứa.
- Vật chứa nên được đưa đến những nơi có chức năng tái chế hoặc xử lý chất thải.
- Không tái sử dụng vật chứa được làm sạch.
-

CHESS 50WG

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 05.11.2013

**MỤC 14. THÔNG TIN VẬN TẢI****Vận tải đường bộ (ADR / RID)**

Quy Định : không nguy hiểm

Vận tải đường biển (IMDG)

Quy Định : không nguy hiểm

Vận tải hàng không (IATA DGR)

Quy Định : không nguy hiểm

14.5. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng: không có**14.6. Giao thông vận tải số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC:**
không áp dụng**MỤC 15. THÔNG TIN PHÁP LÝ****15.1. Quy định / pháp luật cụ thể về an toàn, sức khỏe và môi trường cho các chất hoặc hỗn hợp**

GHS-ghi nhãn

Biểu tượng cảnh báo



Tín hiệu từ : Cảnh báo

Cảnh báo môi nguy hiểm : H351

Nghi ngờ gây ung thư.

Cảnh báo đề phòng : P102

Tránh xa khỏi tầm với của trẻ em.

P270

Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.

P308+P313

Nếu có sự tiếp xúc hoặc có liên quan: cần tư vấn y tế/lưu ý.

P501

các thùng chứa chất thải được đưa tới nhà máy có chức năng xử lý chất thải.

Ghi chú

: Phân loại sử dụng tất cả các lớp nguy hiểm GHS và chuyên mục. Trường hợp GHS chứa các tùy chọn, tùy chọn bảo thủ nhất được chọn.

Triển khai thực hiện khu vực hoặc quốc gia của GHS có thể không thực hiện tất cả loại nguy hiểm và chuyên mục.

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn: • pymetrozine

CHESS 50WG

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 05.11.2013



15.2. Đánh giá an toàn hóa chất

Đánh giá An toàn hóa chất không cần thiết cho chất này.

MỤC 16. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin

Văn bản đầy đủ của nhóm từ R được gọi theo các mục 2 và 3:

R20/22 Có hại khi nuốt và hít phải.

R36/38 Dị ứng cho mắt và da.

R40 Băng chứng hạn chế về hậu quả gây ung thư

R52/53 Có hại cho sinh vật dưới nước, có thể gây ra tác dụng phụ lâu dài trong môi trường thủy sinh.

Văn bản đầy đủ của cụm từ - H theo mục 2 và 3.

H302 Độc nếu nuốt phải.

H315 Gây kích ứng da.

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H332 Hai nếu hít phải.

H351 Nghi ngờ gây ung thư

H412 Có hại cho đời sống thuỷ sinh với các hiệu ứng lâu dài.

Các thông tin được cung cấp trên Bảng dữ liệu an toàn là chính xác tốt nhất của thông tin, kiến thức của chúng tôi và niềm tin ở ngày đăng Công báo. Các thông tin cung cấp được thiết kế chỉ như là một hướng dẫn để xử lý an toàn, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, xử lý, phát hành và không được xem xét bảo hành chất lượng đặc điểm kỹ thuật. Thông tin chỉ liên quan đến vật chất cụ thể và có thể không có giá trị vật, được sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quá trình, trừ trường hợp quy định tại văn bản.

Thay đổi kể từ khi phiên bản cuối cùng được đánh dấu ở bên lề. Phiên bản này thay thế tất cả các phiên bản trước đó.

Tên sản phẩm là một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty Tập đoàn Syngenta.
